

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-PT

Ngày 16 tháng 5 năm 2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân và ông Lưu Toàn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 08/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thị G, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1978; đều cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn - bà Hà Thị H trình bày:* Bà H và vợ chồng bà G, ông Đ là hàng xóm, quen biết với nhau nên đã 05 lần cho bà G, ông Đ vay tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 13/11/2021 (âm lịch), bà H cho bà G, ông Đ vay 50.000.000 đồng, để làm quán, thời hạn vay thỏa thuận là 05 tháng, ông Đ viết

giấy biên nhận, có chữ ký của bà G, ông Đ, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng.

Lần thứ hai: Ngày 01/3/2022 (âm lịch), bà H cho bà G vay 40.000.000 đồng, bà G nói vay cá nhân, thời hạn vay thỏa thuận là 03 ngày, bà G viết giấy biên nhận và ký tên, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng.

Lần thứ ba: Ngày 29/3/2022 (âm lịch), bà H cho bà G vay 50.000.000 đồng, bà G nói là vay cá nhân, thời hạn vay thỏa thuận là 05 tháng, bà G viết giấy biên nhận và ký tên, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng.

Lần thứ tư: Ngày 01/6/2022 (âm lịch), bà H cho bà G vay 160.000.000 đồng, bà G nói vay để đáo hạn ngân hàng để trả hết nợ cho bà H, thời hạn vay thỏa thuận là 03 ngày, bà G viết giấy biên nhận và ký tên, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng.

Lần thứ năm: Ngày 16/9/2022 (dương lịch), bà H cho bà G vay 30.000.000 đồng, bà G nói là vay cá nhân để giải quyết việc gia đình, thời hạn vay thỏa thuận là 08 ngày, bà G viết giấy biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng.

Đối với các khoản tiền vay trên, bà G, ông Đ đã trả cho bà H các khoản sau:

- Về nợ gốc: Ông Đ đã trả cho bà H 4.500.000 đồng, nay bà H đề nghị trừ số tiền đó vào tiền nợ gốc của ông Đ. Như vậy, vợ chồng bà G, ông Đ còn nợ bà H số tiền gốc là 325.500.000 đồng.

- Về nợ lãi: Bà G trả lãi bằng tiền và bà mua hàng của bà G, quy ra tiền là 7.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà G, ông Đ phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 325.500.000 đồng, bà không yêu cầu bà G, ông Đ phải trả bà tiền lãi của 05 khoản vay từ ngày 13/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử, sau khi Tòa án xét xử thì bà yêu cầu bà G, ông Đ phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn - bà Hà Thị G trình bày:* Bà xác định bà có vay tiền của bà H 05 lần như bà H trình bày, bà vay tiền để mở quán bán hàng và buôn bán, chăn nuôi. 05 lần vay tiền trên, bà G đều là người trực tiếp nhận tiền từ bà H đưa tại quán bán hàng của nhà bà và có viết giấy biên nhận. Trong 05 lần viết giấy biên nhận thì bà G viết 04 giấy, còn ông Đ viết 01 giấy của lần ngày 13/11/2021.

- Về nợ gốc: Sau khi vay tiền của bà H thì bà đã trả cho bà H 02 lần, lần 1 là 40.000.000 đồng của khoản vay ngày 01/3/2023 và lần 2 là 160.000.000 đồng của khoản vay ngày 01/6/2022, các khoản tiền này do bà G vay của bà H để đáo

sổ vay tiền ngân hàng. Do đó, khi bà viết giấy biên nhận nợ hôm trước thì hôm sau ngân hàng cho vay tiền, bà G đã lấy tiền đó trả cho bà H. Hai lần trả này, bà đều yêu cầu bà H trả cho bà giấy biên nhận nợ mà bà đã viết, nhưng bà H nói “quên không mang, thích thì mai đưa, chị em tin nhau là chính”. Sau đó, bà mãi buôn bán nên không đòi 02 giấy biên nhận vay tiền mà bà H giữ. Do đó, bà G khẳng định, nay bà chỉ còn nợ bà H số tiền là 130.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, ngày 13/11/2021, hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 7.500.000 đồng/tháng, hàng tháng bà đều trả lãi cho bà H đến tháng 10/2022 thì bà không trả được lãi cho bà H, đến nay bà chưa trả khoản tiền gốc là 50.000.000 đồng. Đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng ngày 29/3/2022, bà chưa trả được gốc cho bà H, còn lãi hai bên thỏa thuận miệng là 9.000.000 đồng/tháng, hàng tháng bà đều trả lãi cho bà H, nhưng đến tháng 10/2022 thì không trả được tiền lãi cho bà H, việc trả lãi không có biên nhận. Đối với khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 16/9/2022, bà chưa trả tiền gốc. Đối với khoản vay 160.000.000 đồng, bà vay thời hạn 03 ngày, khi lấy tiền bà H trừ luôn 10.000.000 đồng tiền lãi, bà H chỉ đưa bà 150.000.000 đồng, còn các lần khác bà đều phải trả lãi 5.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng. Khi trả lãi bà H không viết giấy biên nhận cho bà. Việc trả tiền lãi cho bà H thì bà đưa tay cho bà H là chính, khi trả lãi thì hai bên không viết giấy biên nhận.

* *Bị đơn - ông Nguyễn Tiến Đ trình bày:* Ông xác định có viết 01 giấy biên nhận ngày 13/11/2021, còn 04 giấy biên nhận nợ còn lại là do bà G (vợ ông) viết. Vào ngày 13/11/2021, bà G nói với ông là bà G có quen bà H, bà H cho vay tiền với điều kiện ông phải viết giấy biên nhận vay tiền, nên hôm đó ông có viết 01 Giấy biên nhận vay tiền, số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để mở quán bán hàng, thời hạn vay là 05 tháng. Tiền vay của bà H do bà G trực tiếp nhận, việc trả tiền gốc và lãi cho bà H cụ thể như thế nào ông không nắm được. Ngoài ra còn 04 lần bà H nói cho bà G vay thì ông không biết, ông cũng không biết bà G vay của bà H bao nhiêu tiền, vay để làm gì, bà G vay và trả lãi cho bà H như thế nào ông cũng không biết. Việc bà G nói trả gốc và lãi cho bà H thì vợ chồng ông đều không có giấy tờ gì nộp cho Tòa án. Sau này, ông mới nghe bà G nói là đã trả cho bà H được số tiền gốc 2 lần là 40.000.000 đồng và 160.000.000 đồng.

* *Người làm chứng bà Trần Thị C trình bày:* Vào năm 2020 và năm 2021, bà có đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đông Hưng số tiền 150.000.000 đồng để bà G, ông Đ vay làm nhà. Trong

hai năm đó, bà chỉ trả lãi không trả gốc, đến hạn trả tiền gốc thì bà G lại đem tiền trả tiền gốc và đáo hạn sang năm 2022. Ngày 02/6/2022 là đến thời hạn phải trả tiền gốc, bà G chở bà lên Ngân hàng, làm các thủ tục đáo hạn, sau khi làm thủ tục bà lại vay lại của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng. Trên đường đi thì bà G có nói là bà H gọi điện hỏi “đi đến đâu rồi”. Sau khi về quán nhà bà G, bà về nhà, còn việc bà G trả tiền cho bà H thì bà không được chứng kiến.

* *Người làm chứng bà Trần Thị L trình bày:* Ngày 25/10/2022 (âm lịch), bà có cho bà G vay 10.000.000 đồng để bà G đáo hạn trả nợ ngân hàng. Việc bà G trả tiền cho bà H, bà không chứng kiến.

Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Buộc bà Hà Thị G và ông Nguyễn Tiến Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị H số tiền 325.500.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) mà bà G và ông Đ đã vay của bà H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, bà Hà Thị G kháng cáo bản án sơ thẩm. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Bà G không chấp nhận, không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng là buộc bà phải trả cho bà Hà Thị H số tiền 325.500.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Bà G chỉ chấp nhận hiện chỉ còn nợ bà H số tiền là 114.440.000 đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Hà Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà bị bà H lừa vì sau khi trả tiền cho bà H 2 lần một lần là 40.000.000 đồng và một lần là 160.000.000 đồng nhưng bà H không trả cho bà hai giấy biên nhận vay tiền nêu trên, do tin tưởng nhau nên bà cũng không đòi lại giấy biên nhận. Ngoài 02 lần trả tiền trên, bà G còn nhiều lần trả nợ gốc cho bà H, mỗi lần vài triệu đồng, tổng cộng những lần trả nhỏ lẻ này bà đã trả cho bà H 25.560.000 đồng. Việc trả nợ có giấy tờ biên nhận nhưng bà để ở nhà, không xuất trình cho Tòa án được. Vì vậy, bà G xác định chỉ còn nợ bà H (330.000.000 đồng - 160.000.000 đồng - 40.000.000 đồng - 15.560.000 đồng) = 114.440.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Hà Thị G làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị G thấy:

[2.1] Bà Hà Thị H, bà Hà Thị G, ông Nguyễn Tiến Đ đều thống nhất trình bày: Bà H cho bà G, ông Đ vay tiền 05 lần, trong đó có một lần ông Đ viết giấy biên nhận và bốn lần bà H viết giấy biên nhận. Các đương sự cũng thống nhất tổng số tiền vay của 5 lần là 330.000.000 đồng, bà G là người trực tiếp nhận tiền từ bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà Hà Thị G, ông Nguyễn Tiến Đ có vay của bà Hà Thị H số tiền là 330.000.000 đồng. Bà G cho rằng bà đã trả cho bà H nợ gốc 200.000.000 đồng, khi trả nợ do bà H nói quên không mang giấy biên nhận tiền để đưa lại cho bà G hủy và tin tưởng lời bà H nói sẽ tự hủy giấy biên nhận tiền nên bà G không lấy lại giấy biên nhận tiền của hai lần vay 40.000.000 đồng và 160.000.000 đồng nữa. Tuy nhiên, bà H đều không thừa nhận việc bà G khai đã trả tiền nợ gốc cho bà là 200.000.000 đồng mà chỉ xác nhận ông Đ đã trả cho bà 4.500.000 đồng nợ gốc, nên ông Đ, bà G còn nợ bà H 325.500.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh về việc đã trả cho bà H 2 khoản nợ gốc là 200.000.000 đồng. Ngoài ra, bà G còn trình bày, ngoài 02 lần đã trả cho bà H 200.000.000 đồng, bà G còn nhiều lần trả nợ gốc cho bà H, mỗi lần vài triệu đồng, tổng các lần trả này cộng lại là 15.560.000 đồng nhưng bà G cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc trả các khoản nợ này. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị G, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Đối với lời khai của bà Hà Thị G cho rằng hai bên thỏa thuận miệng tiền lãi của khoản vay ngày 13/11/2021 là 7.500.000 đồng/tháng, lãi của khoản vay ngày 29/3/2022 là 9.000.000 đồng/tháng, lãi của các khoản khác là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Bà G đã trả lãi cho khoản vay 13/11/2021 và ngày 29/3/2022 đến tháng 10/2022 thì không trả lãi nữa. Bà Hà Thị H thì xác định lãi suất được các bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng, nhưng bà Hà Thị G mới trả cho bà số tiền lãi của tất cả các khoản vay bằng tiền và hàng quy ra tiền là 7.000.000 đồng, ngoài ra chưa trả được khoản tiền lãi nào khác. Hai bên đều xác định thỏa thuận lãi suất bằng miệng và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào về việc cho vay với lãi suất cao. Đồng thời, bà Hà Thị H chỉ yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu bà Hà Thị G, ông Nguyễn Tiến Đ phải trả tiền lãi còn thiếu theo thỏa thuận của hai bên nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến lãi suất là đúng pháp luật.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị G không được chấp nhận nên bà G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1.1. Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Buộc bà Hà Thị G và ông Nguyễn Tiến Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị H 325.500.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Hà Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng mà bà G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003106 ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí dân sự phúc thẩm cho bà G.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/5/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND h. Đông Hưng;
- Chi cục THADS h. Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC THẨM PHÁN

Vũ Duy Luân

Lưu Toàn Nghĩa

Đỗ Thị Hà